

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ LONG MỸ
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 16/3/2021

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ LONG MỸ, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Ngọc Niềm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Viết Khải
2. Bà Trịnh Thị Trúc Linh

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Nhiệm - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Long Mỹ: Bà Nguyễn Mỹ Diện
- Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 05/2021/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2021 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2021/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trương Mỹ D, sinh năm 1988 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp T 2, xã T, thị xã L, tỉnh Hậu Giang.

2. *Bị đơn:* Anh Lê Văn T, sinh năm 1985 (Có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 2, xã L, thị xã L, tỉnh Hậu Giang.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ngân hàng N. Đại diện theo ủy quyền ông Hồng Minh H. (Có yêu cầu giải quyết vắng mặt)

NỘI D VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn Trương Mỹ D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị với anh Lê Văn T được gia đình tổ chức lễ cưới năm 2018 nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, về sau nảy sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không còn hạnh phúc nên đã ly thân từ năm 2019 đến nay. Vì vậy, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với Lê Văn T.

Về con chung: Trong thời gian chung sống có 01 con chung tên Trương Lê Trung T1 (nam), sinh ngày 22/9/2018. Từ khi vợ chồng ly thân đến nay con chung đang sống với chị, nên khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không có, nên không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Có Nợ Ngân hàng N số tiền 20.000.000đồng, chị tự nguyện trả số nợ này.

Bị đơn Lê Văn T quá trình giải quyết vụ án trình bày: Thừa nhận lời trình bày của nguyên đơn về quan hệ hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn, con chung, tài sản chung, nợ chung là đúng. Nay chị D yêu cầu ly hôn thì anh cũng đồng ý, con chung đồng ý để chị D tiếp tục nuôi, anh không phải cấp dưỡng. Tài sản chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung đồng ý để chị D có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng N số tiền 20.000.000đồng, hàng tháng anh sẽ có trách nhiệm chuyển tiền cho chị D đóng lãi.

Tại văn bản ngày 28/01/2021 anh T yêu cầu được vắng mặt suốt quá trình giải quyết và xét xử sau này của Tòa án.

Tại văn bản ngày 28/01/2021 đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng N (gọi tắt là Ngân hàng), ông Hồng Minh H xác định không yêu cầu Tòa án giải

quyết vấn đề nợ chung của bà D, ông T trong vụ án ly hôn, Ngân hàng sẽ khởi kiện bằng vụ án khác khi có tranh chấp. Đồng thời có yêu cầu vắng mặt suốt quá trình giải quyết của Tòa án.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang phát biểu ý kiến như sau: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật.

Về nội D vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận chị D và anh T là vợ chồng. Về con chung cần tiếp tục giao cháu Trương Lê Trung T1 (nam), sinh ngày 22/9/2018 cho chị D nuôi dưỡng. Chị D chưa yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên chưa xem xét.

Về nợ chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của chị D và anh T, buộc chị D có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Tuy nhiên, Ngân hàng chưa yêu cầu giải quyết trong vụ án này, nên chưa xem xét.

Về tài sản chung các đương sự xác định không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ đã thể hiện trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, tranh luận tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại Tòa án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn Lê Văn T và đại diện người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt và dành quyền kháng cáo cho bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội D: Vào năm 2018 chị Trương Mỹ D và Lê Văn T tổ chức lễ cưới và sống chung cho đến nay. Quá trình chung sống anh chị có đủ điều kiện để đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nhưng anh chị vẫn không thực

hiện việc đăng ký kết hôn. Đến nay cuộc sống hôn nhân của anh chị phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn nên chị Trương Mỹ D yêu cầu được ly hôn với Lê Văn T.

Hội đồng xét xử xét thấy, chị Trương Mỹ D và anh Lê Văn T không có đăng ký kết hôn nên theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình 2014 nên quan hệ hôn nhân của chị Trương Mỹ D và anh Lê Văn T không có giá trị pháp lý.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định *“Trong trường hợp không có đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng ...”* và khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định *“Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...”*. Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử không công nhận chị Trương Mỹ D và anh Lê Văn T là vợ chồng.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống chị Trương Mỹ D và anh Lê Văn T có 01 con chung, tên Trương Lê Trung T1 (nam), sinh ngày 22/9/2018. Chị D có yêu cầu nuôi con và anh T cũng đồng ý, nên cần ghi nhận tự nguyện của các đương sự, tiếp tục giao cháu Trương Lê Trung T1 (nam), sinh ngày 22/9/2018 cho chị D nuôi.

Chị D chưa yêu cầu anh T cấp dưỡng nên chưa xem xét.

[4] Về tài sản chung: Chị Trương Mỹ D và anh Lê Văn T đều xác định không có, nên không xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị Trương Mỹ D và anh Lê Văn T xác định có nợ Ngân hàng N số tiền 20.000.000đồng. Chị D xác định sẽ có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Đối với Ngân hàng chưa yêu cầu giải quyết trong vụ án này nên Hội đồng xét xử chưa xem xét.

Dành quyền khởi kiện cho Ngân hàng N thành vụ án khác khi có tranh chấp.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Trương Mỹ D phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 14; Điều 53, Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Trương Mỹ D và anh Lê Văn T là vợ chồng.

2. Về con chung: Chị Trương Mỹ D được tiếp tục nuôi con chung là cháu Trương Lê Trung T1 (nam), sinh ngày 22/9/2018. Do chị D chưa yêu cầu anh T cấp dưỡng nên chưa xem xét. Dành quyền thăm, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con cho anh T không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị Trương Mỹ D và anh Lê Văn T xác định không có, nên không xem xét.

4. Về nợ chung: Dành quyền khởi kiện cho Ngân hàng N thành vụ án khác khi có tranh chấp.

5. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn Trương Mỹ D phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), chuyển số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo lai thu số 0005173 phiếu lập ngày 06 tháng 01 năm 2021 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

6. Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn Lê Văn T, Ngân hàng N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã (phường) nơi cư trú.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- VKSND thị xã Long Mỹ;
- Chi cục THADS thị xã Long Mỹ;
- Lưu.

Trần Ngọc Niềm